TOÀ ÁN NHÂN DÂN
NAM
TỈNH A

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 3 năm 2023
V/v "tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên toà: Ông Hoàng Tiến D;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị H;

Ông Nguyễn Ngọc T.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị H - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh H- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 03 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh A tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2023 về việc "*tranh chấp hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị Hồng L– sinh năm 1991

HKTT: khu Suông 1, xã H, huyện C, tỉnh A.

Địa chỉ hiện nay: khu Quyết Tiến, thị trấn C, huyện C, tỉnh A.

- *Bị đơn*: Anh Trần B - sinh năm 1989

HKTT: khu Suông 1, xã H, huyện C, tỉnh A.

Hiện nay anh B đang ở Đài Loan.

(Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt; anh B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/11/2022 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Hoàng Thị Hồng L trình bày: Chị và anh Trần B tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 08/5/2017 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh A. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ năm 2020 đến nay giữa vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần B.

Về con chung: chị Hoàng Thị Hồng L xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Hoàng S, sinh ngày 12/7/2017. Khi ly hôn chị L đề nghị Tòa án cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Hoàng S và không yêu cầu anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Chị Hoàng Thị Hồng L xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn: Chị Hoàng Thị Hồng L tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Hoàng Thị Hồng L đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị.

Chị L trình bày hiện nay chị không biết địa chỉ của anh B ở Đài L nên chị không thể cung cấp địa chỉ của anh B cho Tòa án được. Chị L đề nghị Tòa án xác minh địa chỉ của anh B ở Đài L thông qua mẹ đẻ của anh B là bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964; địa chỉ: khu Suông 1, H, C, A.

Thân nhân của anh Trần B – Bà Nguyễn Thị H trình bày: bà là mẹ đẻ của anh Trần B, hiện tại bà vẫn thường xuyên liên lạc với anh B qua điện thoại nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể của anh B ở chỗ nào Đài L mà chỉ biết anh B đang ở Đài L. Do vậy, bà không thể cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay của anh B tại Đài L cho Tòa án. Bà H cũng đã nhận và thông báo về nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh B được biết. Việc chị L làm đơn xin ly hôn anh B, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Hồng L. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị Hồng L ly hôn anh Trần B. Về con chung: Giao cháu Trần Hoàng S, sinh ngày 12/7/2017 cho chị Hoàng Thị Hồng L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, công nợ chung: chị L xác định vợ chồng không có, không đề nghị giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí: Chị Hoàng Thị Hồng L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Hoàng Thị Hồng L nộp đơn xin ly hôn anh Trần B tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Trong đơn xin ly hôn, chị L trình bày hiện anh B đang sống và làm việc tại Đài L. Tại văn bản số 25348/QLXNC-P5 ngày 25/11/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an xác nhận: "Trần B*, sinh ngày 15/9/1989, đã xuất cảnh ngày 06/12/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước".* Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh A.

Chị Hoàng Thị Hồng L vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Hồng L và anh Trần B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh A vào ngày 08/5/2017. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng anh chị luôn hòa thuận, yêu thương nhau. Từ năm 2020 đến nay giữa vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần B.

Anh Trần B hiện đang ở nước ngoài, chị Hoàng Thị Hồng L chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của anh Trần B ở Việt Nam, không cung cấp

được địa chỉ của anh B ở nước ngoài cho Tòa án. Theo yêu cầu của chị L, Tòa án đã xác minh địa chỉ của anh B ở nước ngoài thông qua mẹ đẻ của anh B là bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964; địa chỉ: khu Suông 1, H, C, A.

Mẹ đẻ của anh Trần B – Bà Nguyễn Thị H cung cấp thông tin: hiện tại bà vẫn thường xuyên liên lạc với anh B nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể của anh B ở chỗ nào Đài L mà chỉ biết anh B đang ở Đài L. Do vậy, bà không thể cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay của anh B tại Đài L cho Tòa án. Bà H cũng nhất trí nhận và thông báo về nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh B biết. Căn cứ Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Hội đồng xét xử thấy rằng chị L và anh B đã không còn chung sống cùng với nhau, vợ chồng sống xa nhau đã một thời gian dài, không có sự quan tâm chia sẻ trong cuộc sống gia đình nên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị Hoàng Thị Hồng L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần B là có căn cứ phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó đề nghị xin ly hôn của chị L được chấp nhận.

Về con chung: chị Hoàng Thị Hồng L và anh Trần B có 01 con chung là cháu Trần Hoàng S, sinh ngày 12/7/2017. Khi ly hôn chị L đề nghị Tòa án cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu S và không yêu cầu anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Theo bà H (mẹ đẻ anh B) thì anh B cũng nhất trí để chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu S. Xét thấy anh B hiện đang ở nước ngoài, không có lời trình bày tại Tòa án. Do đó để đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho con chung của anh chị, cần giao cháu Trần Hoàng S cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị L về việc chị không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: Chị Hoàng Thị Hồng L xác định không có và không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hoàng Thị Hồng L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 238; khoản 1, 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Hồng L.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Hồng L được ly hôn với anh Trần B.

[2] Về con chung: Giao cháu Trần Hoàng S, sinh ngày 12/7/2017 cho chị Hoàng Thị Hồng L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Trần B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L do chị L không yêu cầu. Anh Trần B có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hoàng Thị Hồng L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Hoàng Thị Hồng L đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0000386 ngày 03/01/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh A.

[5] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Chị Hoàng Thị Hồng L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày; anh Trần B có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh A;
- Cục THADS tỉnh A;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu: HS - AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Tiến D